PHÌNH GIÃN THỰC QUẢN

1. Hình ảnh nội soi của PGTQ:
2. Niêm mạc mềm mại tập trung
3. Đưa quan tâm vị dễ dàng
4. Đưa qua tâm vị khó
5. Cơ thắt tâm vị đóng chặt
6. CLS chẩn đoán xác định và chẩn đoán sớm:
7. Nội soi
8. Đo áp lực TQ
9. CT scanner
10. X quang
11. Bệnh PGTQ là:
12. Gia đình
13. Di truyền
14. Địa phương
15. Chưa rõ nguyên nhân
16. CĐ PGTQ là Đ/S:
17. Không cho ống đi qua được lỗ tâm vị
18. Nội soi thấy thực quản tụ đều, mềm mại
19. Cho ống nội soi qua tâm vị
20. Tâm vị chít hẹp
21. Tâm vị giãn rộng
22. PP mổ PGTQ: Đ/S:
23. Nội soi
24. PT mở bụng
25. Nội soi và PT mở bụng bên phải
26. Nội soi và PT mở bụng bên trái
27. PGTQ hay gặp nhất ở:
28. Nam < 30t
29. Nam, nữ (30-40)
30. Nam (30-40)
31. Nam, nữ <30
32. Điều trị PGTQ:
33. Rạch mở cơ thực quản, tâm vị dưới niêm mạc
34. Cắt bỏ đoạn thực quản
35. Rạch mở/cắt cơ thắt tâm vị
36. Dùng dạ dày thay thế TQ
37. Chống chỉ định nong thực quản trừ:
38. Thực quản viêm do trào ngược dạ dày TQ
39. Thực quản cứng do nong nhiều lần
40. Giãn thực quản cơ năng mới
41. Giãn thực quản độ 4
42. Nôn trong PQTQ: Đ/S
43. Nôn ra dịch mật
44. Không nô ra dịch mật
45. Nôn thức ăn có vị chua
46. Hình ảnh XQ trong PGTQ: Đ/S
47. Cắt cụt
48. Chít hẹp
49. Tâm vị thuôn nhỏ
50. Không có bóng hơi dạ dày
51. Bện PGTQ là: Đ/S:
52. Ác tính
53. Lành tính
54. Có tính địa phương
55. Nguyên nhân chưa rõ rang
56. Phẫu thuật cơ tâm vị thực quản: Đ/S
57. Qua đường ngực trái
58. Qua đường bụng
59. Qua đường bụng và ngực trái
60. Qua đường bụng và ngực Phải
61. Chỉn định nong TQ:
62. Chít hẹp TQ, giai đoạn sớm
63. Có trào ngược- viêm
64. Xơ cứng đã nong nhiều lần
65. Giãn độ 4
66. Triệu chứng toàn thân cỉa PGTQ:
67. Gầy sút
69. Về hẹp TQ: Đ/S
70. Thường nong và thủ thuật này ít biến chứng, gần như không có
71. Thường nong bằng bóng
72. Thường nong bằng dụng cụ inox
73. Phẫu thuật phình thực quản cơ năng
74. Cắt nối
75. Mổ dọc khâu theo chiều ngang.